

Bản án số: 34/2020/DS-ST  
Ngày: 18-9-2020  
V/v: “Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trà Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Anh Thư

Ông Nguyễn Văn Tấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 393, đường NCP, tổ 4, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tdp 2, thị trấn LH, huyện TN, tỉnh QN (Theo giấy ủy quyền ngày 11/02/2020), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tdp6, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 09/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/02/2020, bản tự khai ngày 25/5/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Như T và ông Trần Văn C có mối quan hệ thân quen, ngày 16/6/2016 ông Trần Văn C mượn số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Như T, mức lãi suất 1%/tháng (1.500.000 đồng mỗi tháng), trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất và hứa mượn đỡ đến tháng 10 năm 2016 bán được lô đất diện tích 192,8 m<sup>2</sup> thì trả đủ tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Lúc mượn tiền ông Trần Văn C có viết giấy mượn và phô tô bản trích sao thửa đất diện tích 192,8m<sup>2</sup> của ông C đưa cho bà T để làm tin. Đến năm 2017 ông Trần Văn C đã bán lô đất trên nhưng không trả tiền cho bà T, bà T đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông C vẫn cứ hứa hẹn và sau đó thì trốn tránh.

Nay bà Nguyễn Thị Như T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết buộc ông Trần Văn C phải trả cho bà T số tiền 242.250.000 đồng; trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn tính từ ngày 16/6/2016 đến ngày 31/10/2016 là 4,5 tháng với số tiền 6.750.000 đồng ( $150.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 4,5 \text{ tháng} = 6.750.000 \text{ đồng}$ ), tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/11/2016 đến 01/02/2020 là 38 tháng với số tiền là 85.500.000 đồng ( $150.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 38 \text{ tháng} = 85.500.000 \text{ đồng}$ ) và tiếp tục yêu cầu trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Do trong Giấy mượn tiền không ghi lãi suất và ông C cũng chưa trả tiền lãi, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết ông C trốn tránh nên bà T không có chứng cứ chứng minh mức lãi suất do hai bên thỏa thuận. Nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn C phải trả tiền gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/11/2016 đến ngày 01/6/2020 (tính tròn ngày tháng) là 43 tháng với số tiền là 48.375.000 đồng ( $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 43 \text{ tháng}$ ). Tổng cộng 198.375.000 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại đơn ghi ngày 28/8/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/9/2020 nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn C trả tiền gốc 150.000.000 đồng, không yêu cầu ông Trần Văn C trả tiền lãi.

Bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Về quan hệ tranh chấp: Xác định đúng quan hệ tranh chấp theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 BLTTDS.

Về tổng đạt các văn bản tố tụng: Đúng quy định của BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký tòa án: Chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS.

Việc xác định tư cách tham gia tố tụng: Đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Về thời gian giải quyết vụ án: Đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

Về vấn đề thu thập chứng cứ: Đúng quy định của BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đúng các quy định về việc xét xử vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Người đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 85, Điều 86 BLTTDS.

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 427, 471, 473, 474, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429, 463, 465, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 03/2012 ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T. Buộc ông Trần Văn C phải trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Như T.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi mà bà T đã rút yêu cầu.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Như T 6.056.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0003320 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn C phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Như T và ông Trần Văn C có mối quan hệ quen biết, theo bà T trình bày thì ông C vay tiền bà T vào ngày 16/6/2016 số tiền 150.000.000 đồng, ông C hẹn đến tháng 10 sẽ hoàn trả nhưng ông C không trả. Trong giấy mượn tiền ông C hẹn đến tháng 10 không ghi năm, nhưng được hiểu là đến tháng 10/2016 ông C trả tiền cho bà T.

Bị đơn ông Trần Văn C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ khoản 4 Điều 91 BLTTDS Tòa án giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét giấy mượn tiền ngày 16/6/2016 có nội dung “Tôi tên Trần Văn C có mượn của bà Nguyễn Thị Như T 150.000.000 đồng chẵn, nay viết giấy này làm tin. Tháng 10 trả dứt điểm” thì thấy rằng đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã triệu tập ông Trần Văn C để trình bày ý kiến về việc yêu cầu trả tiền của Nguyễn Thị Như T nhưng ông C không đến để trình bày ý kiến, do đó yêu cầu của bà Thủy buộc ông C trả nợ tiền gốc 150.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy, buộc ông Trần Văn C phải có nghĩa vụ trả nợ tiền gốc cho bà Nguyễn Thị Như T 150.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Nguyên đơn rút yêu cầu trả tiền lãi 48.375.000 đồng, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình

chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút yêu cầu trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì bị đơn ông Trần Văn C phải chịu 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Như T 6.056.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0003320 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

[4] Với những nhận định trên phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Căn cứ: Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T.

Về tiền gốc: Buộc ông Trần Văn C phải có nghĩa trả tiền nợ gốc cho bà Nguyễn Thị Như T 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Về tiền lãi: Nguyên đơn rút yêu cầu trả tiền lãi 48.375.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút yêu cầu trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn C phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Như T 6.056.000 đồng (Sáu triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0003320 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*ĐÃ KÝ*

**Trà Thanh Tùng**